|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**HƯỚNG DẪN**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hóa, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai**

*(Kèm theo Quyết định số:3216/QĐ-UBND*

*ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**PHẦN I. mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin**

**Mục 1. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa dịch vụ**

Căn cứ quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 2 Điều 41 Luật Đấu thầu, cấp có thẩm quyền quyết định việc mua sắm theo quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND đồng thời là cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

**Tiểu mục 1. Mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là nhà, đất); phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, mô tô, xe chuyên dùng và các phương tiện vận tải đường bộ khác), phương tiện vận tải đường thủy và các phương tiện vận tải khác theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I):

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đến Sở Tài chính để thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I); các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm tài sản chuẩn bị hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu, trình cơ quan cấp trên trực tiếp để rà soát, gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

3. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Tiểu mục 2. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

1. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng; Người đứng đầu đơn vị dự toán các cấp giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách thực hiện lập, thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Tiểu mục 3. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

1. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách thực hiện lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

 **Tiểu mục 4.** **Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I):

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) và thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách thực hiện thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng để lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gửi cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

3. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Mục 2. Mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), hàng hóa dịch vụ thuộc trường hợp quy định chuyển tiếp tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

Trên cơ sở dự toán mua sắm (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền quyết định việc mua sắm theo quy định tại Nghị quyết số 112/2018/NQ-HĐND, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục lập, trình hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đến cấp có thẩm quyền quyết định việc mua sắm được quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND để phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức mua sắm theo đúng quy định pháp luật đấu thầu.

**Mục 3. Đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

**Tiểu mục 1. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện mua sắm theo nội dung hướng dẫn tại Mục 1 Phần I Hướng dẫn này và thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

**Tiểu mục 2.** **Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP (hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định số Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).**

1. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) được xác định theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

2. Việc tổ chức thẩm định dự án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

3. Việc thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) được thực hiện như sau:

3.1. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định (điểm b khoản 5 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP):

a) Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết.

b) Các trình tự, thủ tục lập hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án và trình thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

3.2. Đối với dự án do cấp có thẩm quyền quyết định không thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (điểm c khoản 5 Điều 51a Nghị định số 73/2019/NĐ-CP):

a) Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư là cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết.

b) Các trình tự, thủ tục lập hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án và trình thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

c) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết trực thuộc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án nhằm đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu đối với hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế chi tiết dự án theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 3. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).**

1. Cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 52; khoản 1 Điều 53 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28, khoản 31 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP) được xác định theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

2. Việc thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng (thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường) được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 31 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

3. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ thuê dịch vụ lập, trình thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

4. Cơ quan, đơn vị chủ trì thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông nhằm đảm bảo nội dung kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng và nội dung thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng phù hợp quy định tại Điều 54, Điều 56 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được bổ sung bởi điểm b khoản 32, khoản 34 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 4. Tổ chức mua sắm trên cơ sở kết quả chấp thuận của cấp có thẩm quyền (quyết định đầu tư đối với trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt kế hoạch thuê đối với trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ).**

 1. Trên cơ sở kết quả chấp thuận của cấp có thẩm quyền (quyết định đầu tư đối với trường hợp cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt kế hoạch thuê đối với trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ), các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư hoặc thuê dịch vụ tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định pháp luật đấu thầu.

2. Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).

**PHẦN II. THUÊ, THU HỒI, ĐIỀU CHUYỂN, BÁN, THANH LÝ, TIÊU HỦY TÀI SẢN CÔNG, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ MẤT, BỊ HỦY HOẠI**

**Mục 1. Thuê tài sản công theo quy định tại Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

Căn cứ quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 2 Điều 41 Luật Đấu thầu, cấp có thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản công theo quy định tại Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND đồng thời là cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê tài sản công.

**Tiểu mục 1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định thuê tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê tài sản công theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 2. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thuê tài sản công lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê tài sản công gửi đến Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có) để rà soát, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I):

Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định thuê tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đối với đề nghị thuê tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định thuê tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách thực hiện thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu đối với đề nghị thuê tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với trường hợp thuê tài sản công, gửi Cơ quan có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật đấu thầu; không phải trình, phê duyệt quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**Tiểu mục 4. Cơ sở xác định giá gói thầu**

Việc xác định giá gói thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

**Mục 2. Thu hồi tài sản công theo quy định tại Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND**

1. Cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

3. Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản công theo quy định.

4. Đối với các trường hợp thu hồi tài sản công không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu quyết định thu hồi tài sản công theo quy định.

**Mục 3. Điều chuyển tài sản công theo quy định tại Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

1. Cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

2. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

3. Đối với trường hợp điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản công theo quy định.

**Mục 4. Bán, thanh lý tài sản công theo quy định tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14, khoản 20 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Cấp có thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

3. Trình tự, thủ tục bán, thanh lý tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15, khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

4. Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 23, Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15, khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bán, thanh lý tài sản công theo quy định.

5. Đối với các trường hợp bán, thanh lý tài sản công không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, cấp có thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 23, Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15, khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu quyết định bán, thanh lý tài sản công theo quy định.

**Mục 5. Tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định tại Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 34 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24, khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Cấp có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

3. Trình tự, thủ tục quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

4. Đối với trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 33, Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định.

5. Đối với các trường hợp tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, cấp có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 33, Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP để tham mưu quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định.

**PHẦN III. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 10 QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2024/NQ-HĐND**

Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại các Điều 93, 94, 94a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi các khoản 57, 58, 59 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

**PHẦN IV.** **QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 11, ĐIỀU 12 QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2024/NQ-HĐND**

Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo các trường hợp cụ thể đã được quy định chi tiết tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**PHẦN V. QUYẾT ĐỊNH VIỆC KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG**

1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc khai thác tài sản công tại đơn vị theo quy định tại điểm b3 khoản 4 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, cấp có thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND.

3. Trình tự, thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10b; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 7, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

4. Căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND, Cấp có thẩm quyền quyết định việc khai thác tài sản công giao cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên môn thuộc cấp có thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về công tác quản lý tài sản công hoặc quản lý tài chính - ngân sách rà soát hồ sơ theo quy định tại Điều 10b; Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 7, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) để tham mưu quyết định việc khai thác tài sản công theo quy định; việc xem xét, quyết định khai thác tài sản công phải đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc đã được quy định về khai thác tài sản công./.